TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 23 tháng 7 năm 2026

Số: 206/2026/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025; thụ lý yêu cầu phản tố số: 113A/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 và thụ lý yêu cầu độc lập số 113B/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Út L– sinh năm 1971.

Bị đơn: Bà Lâm Mỹ L1– sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố C (Nay là ấp T, xã T, thành phố C).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lại Khắc P– sinh năm 1971.

Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1969.

Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1996.

Chị Nguyễn Ngọc S, sinh năm 2000.

Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm 2005.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố C (Nay là ấp T, xã T, thành phố C).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng Minh T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp T, xã C, thành phố C.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Điều 217 và Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 69, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và

hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Văn Út L và bà Lâm Mỹ L1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Ông Huỳnh Văn Út L và bà Lâm Mỹ L1 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 24/5/1996; Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 28/8/2000 và Nguyễn Ngọc Giàu, sinh ngày 18/9/2005. Tất cả đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, riêng và nợ*:

+ Bà Lâm Mỹ L1 trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất số 197, tờ bản đồ số 44 theo Giấy chứng nhận số H01636, diện tích 10.368 m^2, tọa lạc ấp B, xã T, thành phố C (nay là ấp T, xã T, thành phố C) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh (cũ) cấp ngày 24/11/2009 cho ông Nguyễn Văn Út Lđứng tên quyền sử dụng. Bà Lâm Mỹ L1có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật (*Có sơ đồ kèm theo*).

+ Bà Lâm Mỹ L1 có nghĩa vụ trả lại giá trị cho ông Nguyễn Văn Út L số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

+ "Hợp đồng cố đất" ngày 03/7/2019 giữa ông Nguyễn Văn Út Lvà ông Lại Khắc Plà vô hiệu. Ông Lại Khắc Pcó nghĩa vụ trả lại ông Nguyễn Văn Út L01 (một) Giấy chứng nhận số H01636, diện tích 10.368 m^2, tọa lạc ấp B, xã T, thành phố C (nay là ấp T, xã T, thành phố C) do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh (cũ) cấp ngày 24/11/2009 cho ông Nguyễn Văn Út L đứng tên quyền sử dụng để bà Lâm Mỹ L1 thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định pháp luật; bà Lâm Mỹ L1 có nghĩa vụ trả cho ông Lại Khắc Psố tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

+ Đối với việc buộc ông Nguyễn Văn Út L và bà Lâm Mỹ L1 trả số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) bà Nguyễn Thị H đã rút lại yêu cầu.

Kể từ khi ông Nguyễn Văn Út L và ông Lại Khắc P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên thì bà L1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

- *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Văn Út L phải nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* do ông L tự nguyện nộp thay bà Lâm Mỹ L1 án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004754 ngày 08/10/2025 ông L được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng.

Ông Nguyễn Văn Út L tự nguyện chịu án phí đối với hợp đồng cố đất là

12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) và phải chịu 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) án phí đối số tiền được chia tài sản tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bà Lâm Mỹ L1 phải chịu án phí 22.500.000 (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí đối số tiền được chia tài sản tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ được khấu trừ từ biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006726 ngày 21/10/2025 và biên lai số: 0010686 ngày 28/5/2026. Bà L1 phải nộp thêm 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003434 ngày 24/02/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ông Lại Khắc P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003435 ngày 24/02/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Về chi phí tố tụng là 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn Út L và bà Lâm Mỹ L1 mỗi người phải chịu 50%; bà Lâm Mỹ L1 đã tạm ứng trước nên ông Nguyễn Văn Út L có nghĩa vụ hoàn lại cho bà L số tiền 2.850.000đ (*Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 4 – Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Nhật Trường